|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CTCP KHOÁNG SẢN VÀ**  **XI MĂNG CẦN THƠ** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  | *TP. Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015* |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014**

**VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015**

**PHẦN I**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2014**

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2014 :**

**1. Nhận định chung:**

***a/ Khó khăn*** :

- Năm 2014 là năm mà Công ty bị ảnh hưởng rất lớn về môi trường. Đến thời điểm này Công ty đã cố gắng cải thiện rất tốt về môi trường như : lắp hệ thống phun sương toàn nhà máy, đầu tư máy đóng bao 8 vòi và sì lô 500 tấn, cải tạo tất cả hệ thống lọc bụi, đầu tư xe cần cuốc bốc dỡ nguyên liệu để giảm tiếng ồn. Khó khăn nhất hiện nay là Công ty chưa hoàn thành Báo cáo đề án môi trường.

- Cạnh tranh gay gắt về giá cả của các loại xi măng khác trên thị trường. Năm 2014 các công trình trọng điểm mới bắt đầu khởi động lại cũng là lúc các nhà máy xi măng đua nhau giảm giá ảnh hưởng rất lớn đến sản lượng và lợi nhuận của Công ty. Giá Clinker tăng đột biến do Xi măng Hà Tiên bị hư lò nung tại Bình Phước làm giá tàu biển vận chuyển Clinker tăng.

- Kinh doanh máy ép gạch ống không nung và gạch ống không nung đang gặp trở ngại do Chính phủ chưa cấm hẳn các lò gạch nung đất sét. Ngoài ra, người tiêu dùng còn chưa quen sử dụng gạch ống không nung, còn các công trình sử dụng với số lượng rất hạn chế và có những công trình cũng chỉ toàn sử dụng gạch đất sét nung.

***b/ Thuận lợi :***

- Nguồn nhân lực dồi dào có trình độ kỹ thuật chuyên môn cao.

- Sản phẩm của Công ty được người tiêu dùng tín nhiệm thông qua sự phù hợp về giá cả, ổn định về chất lượng, chăm sóc khách hàng thường xuyên và chính sách khuyến mại hấp dẫn.

Khẳng định vị thế thương hiệu trong ngành xi măng bao gồm : XI MĂNG CCM CẦN THƠ và XI MĂNG ÁNG SƠN.

**2. Một số chỉ tiêu đạt được trong năm 2014 của Công ty Mẹ và Công ty con :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các chỉ tiêu chủ yếu** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện** | **So sánh với năm 2013(%)** |
| **I** | **XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 209.003.052.075 | 101,7 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 117.589.528.073 | 103 |
| 3 | Sản lượng sản xuất: |  |  |  |
|  | - Xi măng: | Tấn | 248.566 | 102,8 |
|  | - Hơi kỹ nghệ | Chai | 81.333 | 101 |
| 4 | Doanh thu thuần | Đồng | 278.920.133.389 | 116 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 7.436.577.569 | 118 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 5.089.080.356 | 130,5 |
| 7 | Nộp ngân sách | Đồng | 2.347.497.213 | 98 |
| **II** | **Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 42.500.612.189 | 99,7 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 27.678.047.474 | 104,3 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 3.936.323.506 | 86,8 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế |  | 1.464.534.998 | 691,4 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 1.139.357.650 | 762,9 |
| **III** | **Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 5.126.121.455 | 68,8 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 1.120.938.067 | 53,7 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 7.248.074.107 | 83 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế |  | (981.117.706) | (54,6) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (966.743.000) | (53,8) |
| **IV** | **Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 76.796.282.503 | 96,3 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 68.668.152.202 | 96,7 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 2.580.317.728 | 34,7 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế |  | (2.458.812.510) | (156,7) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (2.458.812.510) | (156,7) |

**II. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD :**

**1. Lĩnh vực sản xuất xi măng:**

Năm 2014 sản xuất xi măng: 248.566 tấn đạt 95,56% so với kế hoạch 260.000 tấn.

Nguyên nhân do các công trình trọng điểm chưa khởi động mạnh. Đồng thời do cạnh tranh ngày càng gay gắt với các xi măng khác trên thị trường làm ảnh hưởng đến sản lượng của công ty.

**2. Lĩnh vực sản xuất Hơi kỹ nghệ:**

Năm 2014 sản xuất được : 81.333 chai đạt 90,37% so với kế hoạch 90.000 chai.

Nguyên nhân chính là do các xưởng đóng tàu hoạt động còn chậm, và hiện nay các trạm chiết ôxy lỏng ngày càng nhiều. Tác động mạnh đến sản lượng của công ty.

**3. Lĩnh vực kinh doanh Bất Động Sản :**

Năm 2014 bán được 24 nền đạt 16% so với kế hoạch 150 nền.

Giá trị đạt : 4 tỷ đạt 16% so với kế hoạch 25 tỷ.

Nguyên nhân : Trong năm 2014 thị trường bất động sản chưa hoạt động mạnh do ảnh hưởng của các năm trước. Từ đầu năm 2015 thị trường Bất động sản đã có chuyển biến tích cực từ gói hỗ trợ 30.000 tỷ đồng và các ngân hàng đồng loạt giảm lãi suất cho vay đối với bất động sản.

**4. Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Tài Nguyên :**

Hiện đang gia công cho Xi măng Cần Thơ và Xi Măng Áng Sơn.

Năm 2014 sản xuất: 20.035 tấn đạt 80,014% so với kế hoạch 25.000 tấn

Nguyên nhân do máy móc thường xuyên trục trặc và ảnh hưởng của thị trường cạnh tranh.

**5. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ – Hậu Giang :**

Kết quả kinh doanh VLXD đạt được như sau :

* Xi măng: 6500 tấn đạt 129,096%.
* Cát, đá, gạch lót vĩa hè tạm ngưng kinh doanh.
* Gạch ống không nung: không đạt kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân chủ yếu : do thị trường hiện nay nhu cầu sử dụng gạch ống không nung chưa cao, người tiêu dùng còn thói quen sử dụng gạch ống đất sét nung.

**6. Máy ép gạch ống không nung:**

Năm 2014 công ty đã sản xuất 06 máy ép gạch ống không nung: đạt 60% kế hoạch 10 máy.

Do hiện nay nhu cầu sử dụng gạch ống không nung chưa phổ biến chỉ số ít công trình sử dụng 5 – 10% gạch ống không nung. Còn lại đa số các công trình và người dân còn thói quen sử dụng gạch ống đất sét nung.

Số máy ép gạch công ty sử dụng để sản xuất gạch kinh doanh đa bán ra thị trường 02 máy sản xuất chưa đạt hiệu quả, đã nghiên cứu hoàn thiện và đưa vào sản xuất ổn định.

**7. Các hoạt động khác :**

*7.1. Công tác đoàn thể đời sống :*

- Năm 2014 đời sống vật chất và tinh thần của CB – CNV được nâng cao, thu nhập của CB – CNV tăng hơn so với năm trước. Do tạo được công ăn việc làm ổn định đời sống cho người lao động với mức thu nhập bình quân trên 4 – 4,5 triệu đồng/người

- Tổ chức cho toàn thể CB – CNV nghỉ mát, vui chơi giải trí sau thời gian dài làm việc để giúp cho người lao động có đời sống tinh thần tốt, lạc quan để chuẩn bị bước vào một năm hoạt động sản xuất tiếp theo phấn đaáu hết năng lực góp phần hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động nhằm nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực công tác phục vụ cho công ty; tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp hơn, vững chắc và năng động, phát động và xây dựng đời sống văn hoá, văn hóa công sở trong toàn Đơn vị gắn liền với công tác giữ gìn và bảo vệ môi trường.

*7.2. Công tác đóng góp xây dựng và phúc lợi xã hội :*

Trong năm 2014, Công ty tham gia góp phần xây dựng xã hội, quan tâm hỗ trợ người nghèo, khó khăn và các chương trình hành động phúc lợi xã hội như :

- Phụng dưỡng mẹ VNAH : 21.360.000đ

- Hoã trôï sửa tuyến đường GT nông thôn Vĩnh Thạn: 10.000.000 đ

- Hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí BV ĐKTƯ: 79.570.000 đ

- Hỗ trợ trường THCS Thới Thuận 1: 5.000.000 đ

- Hỗ trợ bảo vệ dân phòng P.Thới Thuận: 12.000.000 đ

- Hỗ trợ phong trào TDTT đoàn thanh niên: 10.000.000 đ

- Ủng hộ tập học sinh ở Vĩnh Long+ Thới thuận: 37.054.000đ

- Đóng góp thăm hỏi CB – CNV công ty : 25.000.000đ

- Ủng hộ khác: 50.000.000 đ

239.984.000 đ

**Tổng số tiền đóng góp phúc lợi xã hội : 239.984.000 đồng.**

**PHẦN II**

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015**

**I. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 :**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **KH 2015** | **Ghi chú** |
| 1 | Sản xuất Xi măng | Tấn | 260.000 |  |
| 2 | Sản xuất Hơi kỹ nghệ | Chai | 90.000 |  |
| 3 | Kinh doanh bất động sản | Nền | 120 |  |
| 4 | Saûn xuaát gaïch oáng khoâng nung | Vieân | 1.000.000 |  |
| 5 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 300.000 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế:  **Bao gồm:**   * Xi Măng * Ôxy * Bất Động sản * Đóng Tàu * Cty Lộc Tài Nguyên * Xi Măng Cần Thơ – Hậu Giang | Tr.đồng  “  “  “  “  “ | 8.800  6.000  500  1.000  800  500 | Ngưng hoạt động |
| 7 | Nộp NSNN | Tr.đồng | 2.000 |  |
| 8 | Thu nhập bình quân | Tr.đồng | 4,5 |  |
| 9 | Chia cổ tức | %/năm | 0 |  |

**II. Các giải pháp thực hiện kế hoạch :**

**1. Sản xuất kinh doanh xi măng :**

Kế hoạch sản xuất năm 2015 của Công ty là 260.000 tấn xi măng.

Để đạt được sản lượng 260.000 tấn/năm. Toàn thể CB-CNV Công ty nói chung và Bộ phận Phòng kinh doanh phải năng động, phát huy tối đa tiềm năng, tiềm lực và tích cực mở rộng thêm thị trường ở tất cả các Khu vực, đồng thời kết hợp với bộ phận Marketing phải thường xuyên quảng bá sản phẩm, thực hiện chăm sóc các khách hàng truyền thống để tăng sản lượng, kết hợp gia công cho Tophome, Star Home, Xi măng Hà Tiên và Xi măng Lavica.

Công ty kiểm soát chặt chẽ các cán bộ thượng vụ ở các khu vực tỉnh thành về sản lượng tiêu thụ. Các cán bộ thương vụ ở các khu vực phải theo dõi sát từng khách hàng về sản lượng tăng hoặc giảm hàng tháng để báo cáo về công ty và có kế hoạch, chương trình bán hàng thích hợp cho từng Khu vực .

**2. Sản xuất kinh doanh hơi kỹ nghệ :**

Năm 2015 dự kiến Nhà máy sẽ cung ứng cho thị trường khoảng 90.000 chai khí oxy và nitơ, góp phần mang lại hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của toàn công ty.

Thị trường tiêu thụ chính sản phẩm hơi kỹ nghệ là ngành công nghiệp đóng tàu và cơ khí. Năm 2015 trở đi sản lượng oxy công ty sẽ tăng do hiện nay nhu cầu đóng tàu đã và đang phát triển trở lại.

**3. Kinh doanh Bất động sản :**

Kế hoạch năm 2015 : Với chính sách của Chính phủ về gói hỗ trợ 30.000 tỷ đồng và sự thông thoáng về thủ tục cho vay của ngân hàng để mua bất động sản. Hy vọng đây là một năm gặt hái thành công về việc bán nền tại Công ty. Dự kiến chuyển nhượng 120 neàn, doanh thu đạt được hơn 21 tỉ đồng.

**4. Công ty cổ phần khoáng sản Lộc Tài Nguyên :**

Tiếp tục duy trì gia công cho xi măng Cần Thơ và Áng Sơn. Với sản lượng 25.000 tấn/năm.

**5. Công ty TNHH MTV xi măng Cần Thơ –Hậu Giang :**

- Kinh doanh VLXD tạm ngưng hoạt động. Chỉ còn làm kho trung chuyển cho Xi Măng Cần Thơ và sản xuất gạch ống không nung.

Kế hoạch năm 2015 sản xuất: 1.000.000 viên

Hợp tác với tập đoàn Costo xây dựng nhà máy Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang còn đang phụ thuộc vào giấy phép của Bộ Xây dựng.

**6. Xí Nghiệp đầu tư xây dựng và đóng tàu :**

- Kế hoạch năm 2015 sẽ đóng cho khách hàng 03 chiếc xà lan. Tải trọng mỗi chiếc tương đương 950 tấn.

**IV. Kết luận :**

Năm 2014, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB – CNV Công ty đã đoàn kết quyết tâm thực hiện hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong điều kiện bối cảnh kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo được việc làm ổn định cho người lao động trong toàn công ty với mức thu nhập tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Năm 2015 là sẽ là năm có nhiều cơ hội. Nhu cầu tiêu thụ xi măng có chiều hướng tăng lên, nguồn nguyên liệu tương đối ổn định. Các lĩnh vực kinh doanh khác của công ty như: sản xuất hơi kỹ nghệ, kinh doanh bất động sản, đóng tàu…đã ổn định và đi vào vĩ đạo, mang lại kết quả kinh doanh cao.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CB-CNV Công ty, tôi xin gửi lời cảm ơn và chúc Quý đại biểu, Quý cổ đông nhiều sức khoẻ, hạnh phúc và thành đạt./.

**Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT**

**CÔNG TY CP KHOÁNG SẢN & XI MĂNG CẦN THƠ**

Trước tiên, tôi xin phép thay mặt Ban Kiểm soát gửi đến Quý Cổ đông, Quý Đại biểu có mặt tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2015 lời chúc sức khỏe và thành đạt.

Kính thưa Quý Đại biểu !

Căn cứ chức năng và quyền hạn của Ban Kiểm Soát được qui định trong điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản & Xi măng Cần Thơ, Ban kiểm soát xin báo cáo hoạt động kiểm tra, giám sát năm 2014 tới Đại hội đồng cổ đông như sau :

1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với Kiểm toán độc lập để xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra.

2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh : xem xét, đánh giá các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo.

3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT: xem xét, đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2014 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

4. Một số kiến nghị.

**Nội dung chính báo cáo :**

**1. Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính :**

Công tác kế toán Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng theo quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Ban Kiểm soát đồng ý với các số liệu Báo cáo tài chính do Công ty lập.

**2. Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh :**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 :

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đơn vị tính: Đồng   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Số cuối kỳ** | **Số đầu năm** | | **TÀI SẢN** |  |  |  |  | | **A- TÀI SẢN NGẮN HẠN** | **100** |  | **140,081,964,676** | **138,708,807,068** | | **I. Tiền và các khoản tương đương tiền** | **110** |  | **4,781,663,640** | **11,020,223,776** | | 1. Tiền | 111 | V.1 | 4,781663,640 | 11,020,223,776 | | 2. Các khoản tương đương tiền | 112 |  | 0 | 0 | | **II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn** | **120** |  | **1,650,000** | **361,650,000** | | 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 1,650,000 | 361,650,000 | | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 |  | 0 | 0 | | **III. Các khoản phải thu ngắn hạn** | **130** |  | **72,682,989,977** | **71,109,431,947** | | 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 69,039,985,14 | 63,640,651,493 | | 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 1,862,482,934 | 2,334,982,422 | | 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 |  | 0 | 0 | | 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 |  | 0 | 0 | | 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 8,858,677,956 | 10,486,798,634 | | 6. Dự phòng phả thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | -7,078,156,059 | -5,353,000,602 | | **IV. Hàng tồn kho** | **140** |  | **59,710,072,691** | **54,429,937,363** | | 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 59,710,072,691 | 54434,927,900 | | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | 0 | -4,990,537 | | **V.Tài sản ngắn hạn khác** | **150** |  | **2,905,588,368** | **1,787,563,982** | | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 904,165,854 | 310,565,661 | | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 |  | 211,157,658 | 410,667,111 | | 3. Thuế và cá khoản khác phải thu Nhà nước | 154 |  | 0 | 0 | | 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 1,790,26,856 | 1,066,331,210 | | **B. TÀI SẢN DÀI HẠN** | **200** |  | **82,676,902,362** | **84,880,625,050** | | **I. Các khoản phải thu dài hạn** | **210** |  | **0** | **0** | | 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 |  | 0 | 0 | | 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 |  | 0 | 0 | | 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 |  | 0 | 0 | | 4. Phải thu dài hạn khác | 218 |  | 0 | 0 | | 5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi | 219 |  | 0 | 0 | | **II.Tài sản cố định** | **220** |  | **77,343,726,333** | **76,972,110,385** | | **1. Tài sản cố định hữu hình** | **221** | **V.11** | **22,036,219,399** | **20,929,912,688** | | - Nguyên giá | 222 |  | 57,472,127,416 | 56,21,255,889 | | - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 |  | -35,435,908,017 | -35,301,343,201 | | **2. Tài sản cố định thuê tài chính** | **224** |  | **0** | **0** | | - Nguyên giá | 225 |  | 0 | 0 | | - Giá trị hao mòn lũykế | 226 |  | 0 | 0 | | **3. Tài sản cố định vô hình** | **227** | **V.12** | **36,482,261,863** | **37,380,016,49** | | - Nguyên giá | 228 |  | 38,293,730,405 | 38,293,730,405 | | - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 |  | -1,811,468,542 | -913,713,946 | | 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 18,825,245,071 | 18,662,181,238 | | **III. Bất động sản đầu tư** | **240** |  | **0** | **0** | | - Nguyên giá | 241 |  |  | 0 | | - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 |  | 0 | 0 | | **IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn** | **250** |  | **2,178,246,800** | **4,852,196,683** | | 1. Đầu tư vào công ty con | 251 |  | 0 | 0 | | 2. Đầu tư vào công y liên kết, liên doanh | 252 | V.14 | 5,347,894,510 | 5,347,894,510 | | 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 2,178,246,800 | 2,178,246,800 | | 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.16 | -5,347,894,510 | -2,673,944,627 | | **V. Tài sản dài hạn khác** | **260** |  | **3,154,99,229** | **3,056,317,982** | | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 2,235,414,731 | 2,322,624,909 | | 2. Tài sản thuế thu nhập hoàn lại | 262 | V.18 | 919,514,498 | 733,693,073 | | 3. Tài sản dài hạn khác | 268 |  | 0 | 0 | | VI. Lợi thế thương mại | 269 |  | 0 | 0 | | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **270** |  | **222,75,867,038** | **223,589,432,118** | | **NGUỒN VỐN** |  |  |  |  | | **A. NỢ PHẢI TRẢ** | **300** |  | **102,674,350,362** | **104,945,23,552** | | **I. Nợ ngắn hạn** | **310** |  | **102,674,350,362** | **104,945,023,552** | | 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 76,676,611,904 | 74,390,128,462 | | 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 17,392,28,900 | 22,084,342,944 | | 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 4,675,389,204 | 3,122,745,873 | | 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | V.22 | 1,644,075,853 | 1,641,373,004 | | 5. Phải trả người lao động | 315 | V.23 | 1,400,164,921 | 2,456,021,269 | | 6. Chi phí phải trả | 316 | V.4 | 304,456,456 | 294,099,441 | | 7. Phải trả nội bộ | 317 |  | 0 | 0 | | 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 |  | 0 | 0 | | 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.25 | 581,362,124 | 902,780,046 | | 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 |  | 0 | 0 | | 11. Quỹ khen thưởng phúc lợ | 323 | V.26 | 0 | 53,532,513 | | **II. Nợ dài hạn** | **330** |  | **0** | **0** | | 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 |  | 0 | 0 | | 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 |  | 0 | 0 | | 3. Phải trả dài hạn khác | 333 |  | 0 | 0 | | 4. Vay và nợ dài hạn | 334 |  | 0 | 0 | | 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 |  | 0 | 0 | | 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 |  | 0 | 0 | | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 |  | 0 | 0 | | 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 |  | 0 | 0 | | 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 |  | 0 | 0 | | **B.VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **400** |  | **117,544,849,712** | **115,956,064,640** | | **I. Vốn chủ sở hữu** | **410** |  | **17,544,849,712** | **115,953,564,640** | | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.27 | 46,000,000,000 | 46,00,000,000 | | 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.27 | 33,450,000,000 | 33,450,000,000 | | 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | V.27 | 571,183,239 | 571,183,239 | | 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | V.27 | -40,00 | -40,000 | | 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 |  | 0 | 0 | | 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 41 |  | 0 | 0 | | 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | V.27 | 18,784,755,485 | 18,784,755,485 | | 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | V.27 | 1,226,795,734 | 1,226,795,734 | | 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 |  | 0 | 0 | | 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.27 | 17,512,155,254 | 15,920,870,12 | | 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 |  | 0 | 0 | | 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 |  | 0 | 0 | | **II. Nguồn kinh phí và quỹ khác** | **430** |  | **0** | **2,500,000** | | 1. Nguồn kinh phí | 432 |  | 0 | 2500,000 | | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 |  | 0 | 0 | | C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 |  | 2,539,666,964 | 2,688,343,926 | | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **440** |  | **222,758,867,038** | **223,589,432,118** | | **CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG** |  |  |  |  | | 1. Tài sản thuê ngoài | 01 |  | 0 | 0 | | 2. Vật tư, hàng hóa nhậ giữ hộ, nhận gia công | 02 |  | 0 | 0 | | 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | 03 |  | 0 | 0 | | 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 04 |  | 0 | 0 | | 5. Ngoại tệ các loại | 05 |  | 1,642 | 1,769 | | 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | 06 |  | 0 | 0 | |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2014 :  *Đơn vị tính : Đồng*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** | | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 281,141,983,577 | 245,689,492,569 | | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 79,527,486 | 0 | | **3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)** | **10** | **VI.1** | **281,062,456,091** | **245,689,492,569** | | 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 252,849,474,434 | 215,549,073,67 | | **5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)** | **20** |  | **28,212,981,657** | **30,140,19,402** | | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 194,156,842 | 126,969,270 | | 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 8,882,994,358 | 8,921,501,519 | | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 |  | 6,207,326,789 | 6,246,821,339 | | 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 4,905,026,683 | 7,472,403,075 | | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 8,135,259,891 | 8,417,050,991 | | **10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh{30=20+(21-22) - (24+25)}** | **30** |  | **6,483,857,567** | **5,456,433,87** | | 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 3,133,489,892 | 741,693,224 | | 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 4,186,67,953 | 1,715,082,372 | | **13. Lợi nhuận khác(40=31-32)** | **40** |  | **-1,053,183,061** | **-973,389,148** | | 14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 |  | 0 | 0 | | **15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=0+40+45)** | **50** |  | **5,430,674,506** | **4,483,043,939** | | 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | V.22 | 2,693,008,261 | 2,464,449,665 | | 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 |  | -185,821,425 | -66,182,517 | | **18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)** | **60** |  | **2,923,487,670** | **2,084,776,791** | | 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 |  | -148,676,62 | -437,242,192 | | 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 62 |  | 3,072,164,632 | 2,522,018,983 | | 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(\*) | 70 | VI.9 | 668 | 548 | |

Phần lớn lợi nhuận được thực hiện từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh xi măng.

**3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và Ban kiểm soát :**

Hội đồng Quản trị gồm 05 thành viên và Ban kiểm soát 03 thành viên.

Trong năm 2014, Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào gây hại cho Công ty trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá cao tính năng động, kịp thời trong các hoạt động điều hành quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty. Về cơ bản năm 2014 HĐQT Công ty và Ban Tổng giám đốc đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ của mình và các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ năm 2014 thông qua.

**4. Một số kiến nghị :**

Ban kiểm soát Công ty có một số đề xuất với HĐQT & Ban Tổng giám đốc công ty như sau:

• Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương, hình thức tuyển dụng nhằm thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, kinh nghiệm.

Chúng tôi chân thành cám ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban trực thuộc Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiển soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trên đây là một số nhận xét và kiến nghị của Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2014 của Công ty. Rất mong được quý cổ đông đóng góp ý kiến để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong thời gian tới.

**Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015**

**TM. Ban kiểm soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CTCP KHOÁNG SẢN VÀ**  **XI MĂNG CẦN THƠ** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  | **TP. Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015** |

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**NĂM 2015**

**1. Tổ chức Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng Sản và Xi măng Cần Thơ gồm 05 thành viên như sau :

* Ông Thái Minh Thuyết Chức vụ : Chủ tịch HĐQT
* Bà Nguyễn Thị Út Em Chức vụ : Thành viên HĐQT
* Ông Trần Minh Quang Chức vụ : Thành viên HĐQT
* Ông Thái Châu Chức vụ : Thành viên HĐQT
* Ông Phan Hoàng Tuấn Chức vụ : Thành viên HĐQT

**2. Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014.**

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo đến toàn thể Quý cổ đông về kết quả thực hiện năm 2014, kết quả sản xuất kinh doanh và các chương trình mục tiêu năm 2014.

Thực hiện các chỉ tiêu năm 2014

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Kế hoạch 2014** | **Thực hiện 2014** | **Tỷ lệ (%)** |
| 01 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 300.000 | 281.000 | 93,7 |
| 02 | Tổng lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 8.000 | 5.430 | 67,9 |
| 03 | Mức cổ tức dự kiến | % | 0 | 0 |  |
| 04 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng | 4 | 4 -> 4,5 | 112,5 |

**3. Hoạt động của hội đồng quản trị năm 2014**

Thông qua các kỳ họp, HĐQT đã thực hiện quyền quản lý điều hành của mình trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, tờ trình liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty.

Bên cạnh đó, giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, để giải quyết các vấn đề cấp bách liên quan đến hoạt động SXKD và quản trị Công ty, HĐQT còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, bảo đảm tuân thủ đúng quy định.

Taát caû caùc thaønh vieân cuûa Hoäi ñoàng Quaûn trò söû duïng taøi saûn cuûa Coâng ty, Coâng ty TNHH MTV Xi maêng Caàn Thô – Haäu Giang, Coâng ty Thaùi Höng ñeå theá chaáp vay voán Ngaân haøng.

Taát caû caùc thaønh vieân cuûa Hoäi ñoàng Quaûn trò thoáng nhaát taïm ngöøng kinh doanh Coâng ty THNN MTV Xi maêng Caàn Thô – Haäu Giang.

Thanh lyù khoaûn ñaàu tö daøi haïn chöa coù khaû naêng ñem laïi lôïi nhuaän taïi Coâng ty Lieân Doanh ACAVI GROUP. Soá tieàn thanh lyù laø 5.347.894.510 ñoàng.

**4. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2015**.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Kế hoạch 2015** |
| 01 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 300.000 |
| 02 | Tổng lợi nhuận | Triệu đồng | 8.000 |
| 03 | Mức cổ tức dự kiến | % | 0 |
| 04 | Thu nhập bình quân | Triệu đồng | 5 |
| 05 | Mua cổ phiếu quỷ | Cổ phiếu | 800.000 |

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội Đồng Quản Trị năm 2014 và kế hoạch năm 2015. Kính đề nghị Đại hội xem xét, thảo luận, thông qua.

Chân thành cảm ơn Quý cổ đông !

**Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CTCP KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| -----&-----  Số : 01/2015/TTr-ĐHĐCĐ |  | -----&-----  Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015 |

**TỜ TRÌNH**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ**

* Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
* Căn cứ Luật Chứng khoán số: 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
* Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;

Hội đồng quản trị (HĐQT) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)thường niên năm 2015 thông qua một số nội dung như sau :

1. **THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN BỞI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A & C**.

Báo cáo tài chính năm 2014 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C, tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định và đã được HĐQT Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ công bố theo quy định, bao gồm :

1. Báo cáo của Kiểm toán viên;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014;
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

- BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014

(*xem trong Báo cáo của Ban kiểm soát*).

- BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2014

(*xem trong Báo cáo của Ban kiểm soát*).

1. **THÔNG QUA VIỆC LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN NĂM 2015**

Để đảm bảo thuận lợi cho công tác điều hành, HĐQT kính đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số các công ty kiểm toán sau đây thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét các báo cáo tài chính quý *(nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước)*:

1. Công ty Kiểm toán Mỹ ( AA)
2. Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học - AISC
3. Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính & Kiểm toán Việt Nam
4. Công ty Kiểm toán và Tư vấn ( A&C)
5. Công ty TNHH kiểm toán Sao Việt.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn trong số công ty kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của UBCKNN để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét các báo cáo tài chính quý *(nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước)*.

1. **THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2014, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, MUA CỔ PHIẾU QUỸ VÀ TIẾN HÀNH GIẢI THỂ CÔNG TY LIÊN DOANH ACAVI GROUP NĂM 2015.**

**1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 :**

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau :

***Phân phối lợi nhuận năm 2014***

* ***Trích lập các Quỹ :***

Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi : 10%/Lợi nhuận sau thuế, tương đương : 307.216.463 đồng

***Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2014*** ***và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015.***

* Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2014 : 0,5%/LNST
* Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015 dự kiến: 0,5%/LNST.

**2. Kế hoạch đầu tư và mua cổ phiếu quỹ và tiến hành giải thể Công ty liên doanh:**

* Hợp tác với tập đoàn Costo xây dựng nhà máy Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang còn đang phụ thuộc vào giấy phép của Bộ Xây dựng.
* Mua 800.000 cổ phiếu quỹ bằng hình thức thỏa thuận chuyển nhượng với giá 15.000 đồng/cổ phiếu. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các thủ tục có liên quan. Thời gian thực hiện trong vòng 01 năm
* Hiện tại việc liên doanh liên kết với Công ty liên doanh Acavi Group tại Campuchia đã không mang lại lợi ích về kinh tế, Công ty đã trích lập dự phòng 100% trong năm 2013 và năm 2014. Kính trình ĐHĐCĐ thông qua phương án trích lập và ủy quyền cho HĐQT tiến hành thanh lý liên kết liên doanh với Công ty trên.

1. **THÔNG QUA VIỆC CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM NHIỆM CHỨC VỤ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY.**

Để thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc Chủ tịch HĐQT đồng thời nắm giữ chức vụ Tổng giám đốc của Công ty.

Trên đây là tờ trình của HĐQT về một số vấn đề xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 xem xét thông qua.

1. **THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN CHO HĐQT LỰA CHỌN THỜI GIAN HỦY NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Căn cứ Nghị quyết số 02/2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2013 ngày 16/07/2013, Đại hội đã *thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), rút khỏi mô hình hoạt động công ty đại chúng khi Công ty không còn đủ điều kiện là Công ty đại chúng và hủy đăng ký chứng khoán của Công ty tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam*. Nay HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian hủy niêm yết và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 02/2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông.

***Trân trọng!***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * ĐHĐCĐ thường niên năm 2015; * Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ; * Các thành viên Ban KS *(để biết)*; * Lưu: VT. | **T.M/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  **THÁI MINH THUYẾT** |

|  |  |
| --- | --- |
| **CTCP KHOÁNG SẢN VÀ XI MĂNG CẦN THƠ**  ----------  Số : 02/2015/CCM | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  ----------  TP Cần Thơ, ngày 21 tháng 05 năm 2015 |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Công hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;*
* *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ;*
* *Căn cứ các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 21/05/2015;*
* *Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 21/05/2015.*

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:**  **Thông qua Báo cáo Tổng kết kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014 và kế hoạch SXKD năm 2015 của Ban điều hành**

* 1. **Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014**

Thông qua Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 với những chỉ tiêu chủ yếu như sau :

CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN :

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các chỉ tiêu chủ yếu** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện** | **So sánh với năm 2013(%)** |
| **I** | **XI MĂNG + OXY (Cty Mẹ)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 209.003.052.075 | 101,7 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 117.589.528.073 | 103 |
| 3 | Sản lượng sản xuất: |  |  |  |
|  | - Xi măng: | Tấn | 248.566 | 102,8 |
|  | - Hơi kỹ nghệ | Chai | 81.333 | 101 |
| 4 | Doanh thu thuần | Đồng | 278.920.133.389 | 116 |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 7.436.577.569 | 118 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 5.089.080.356 | 130,5 |
| 7 | Nộp ngân sách | Đồng | 2.347.497.213 | 98 |
| **II** | **Cty BẤT ĐỘNG SẢN (Cty con)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 42.500.612.189 | 99,7 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 27.678.047.474 | 104,3 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 3.936.323.506 | 86,8 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế |  | 1.464.534.998 | 691,4 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 1.139.357.650 | 762,9 |
| **III** | **Cty LỘC TÀI NGUYÊN (Cty con)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 5.126.121.455 | 68,8 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 1.120.938.067 | 53,7 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 7.248.074.107 | 83 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế |  | (981.117.706) | (54,6) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (966.743.000) | (53,8) |
| **IV** | **Cty XI MĂNG CT – HG (Cty con)** |  |  |  |
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Đồng | 76.796.282.503 | 96,3 |
| 2 | Nguồn vốn chủ sở hữu | Đồng | 68.668.152.202 | 96,7 |
| 3 | Doanh thu thuần | Đồng | 2.580.317.728 | 34,7 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế |  | (2.458.812.510) | (156,7) |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | (2.458.812.510) | (156,7) |

* 1. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **KH 2015** | **Ghi chú** |
| 1 | Sản xuất Xi măng | Tấn | 260.000 |  |
| 2 | Sản xuất Hơi kỹ nghệ | Chai | 90.000 |  |
| 3 | Kinh doanh bất động sản | Nền | 120 |  |
| 4 | Saûn xuaát gaïch oáng khoâng nung | Vieân | 1.000.000 |  |
| 5 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 300.000 |  |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 8.800 |  |
| 7 | Nộp NSNN | Tr.đồng | 2.000 |  |
| 8 | Thu nhập bình quân | Tr.đồng | 4,5 |  |
| 9 | Chia cổ tức | %/năm | 0 |  |

**Điều 2:**  **Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2014**

**Điều 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A & C).**

**Điều 4: Thông qua việc ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2015**

Đại hội đã thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và soát xét các báo cáo tài chính quý *(nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước.)*

**Điều 5: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014, kế hoạch đầu tư, mua cổ phiếu quỹ và tiến hành giải thể công ty liên doanh Acavi Group tại Campuchia.**

Đại hội đã thống nhất thông qua: **1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 :**

ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau :

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và quy định về tỷ lệ trích lập các quỹ trong Điều lệ Công ty, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau :

***Phân phối lợi nhuận năm 2014***

* ***Trích lập các Quỹ :***
* Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi: 10%/Lợi nhuận sau thuế, tương đương : 307.216.463 đồng.
* ***Thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2014*** ***và đề xuất thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015.***
* Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2014 : 0,5%/LNST.
* Mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015 dự kiến: 0,5%/LNST.

**2. Kế hoạch đầu tư và mua cổ phiếu quỹ :** Đại hội Thông qua Kế hoạch đầu tư và mua 800.000 cổ phiếu quỹ *(Chi tiết* ***theo Tờ trình số 01/2015/TTr-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 5 năm 2015)***

**3. Thông qua việc trích lập dự phòng của Công ty liên doanh Acavi Group tại Campuchia và tiến hành thủ tục giải thể.**

**Điều 6: Thông qua thù lao HĐQT, BKS năm 2014 và dự toán thù lao HĐQT, BKS năm 2015.**

Đại hội thông qua mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2014: 0,5%/LNST

Đại hội thông qua dự toán mức thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015 là: 0,5%/LNST.

**Điều 7: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian hủy niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

Đại hội thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian hủy niêm yết và thực hiện các thủ tục có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết số 02/2013/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 16/07/2013.

**Điều 8: Thông qua việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.**

**Điều 9: Điều khoản thi hành.**

Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Tất cả cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Khoáng sản và Xi măng Cần Thơ.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * *Cổ đông Công ty;* * *Website Công ty;* * *HĐQT, BKS, BĐH;* * *Lưu: Thư ký HĐQT, VT.* | **TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG** |
| **Chủ tọa đoàn** |
|  |